

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 14

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền trước số 450 là:

- A. 449 B. 451 C. 500 D. 405

Phương pháp

Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

Lời giải

Số liền trước số 450 là 449

Chọn A

Câu 2. Bác Tú đã làm việc được 8 giờ, mỗi giờ bác làm được 6 sản phẩm. Hỏi bác Tú làm được tất cả bao nhiêu sản phẩm?

- A. 64 sản phẩm B. 14 sản phẩm
C. 48 sản phẩm D. 49 sản phẩm

Phương pháp

Số sản phẩm làm được = Số sản phẩm làm mỗi giờ x số giờ

Lời giải

Bác Tú làm được tất cả số sản phẩm là: $6 \times 8 = 48$ (sản phẩm)

Chọn C

Câu 3. Tìm x biết: $2002 : x = 7$

- A. $x = 286$ B. $x = 285$ C. $x = 137$ D. $x = 146$

Phương pháp

Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

Lời giải

$$2002 : x = 7$$

$$x = 2002 : 7 = 286$$

Chọn A

Câu 4. Chọn đáp án đúng: $2\text{m} + 9\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

- A. 29 B. 209 C. 2009 D. 2900

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m} = 1\,000\text{mm}$

Lời giải

$$2\text{m} + 9\text{mm} = 2000\text{mm} + 9\text{mm} = 2009\text{mm}$$

Chọn C

Câu 5. Năm nay bố 45 tuổi, biết tuổi bố giảm đi 5 lần thì được tuổi con và tuổi bố giảm đi 5 thì bằng tuổi mẹ. Vậy năm nay:

A. Con 9 tuổi, mẹ 42 tuổi

B. Con 10 tuổi, mẹ 40 tuổi

C. Con 10 tuổi, mẹ 50 tuổi

D. Con 9 tuổi, mẹ 40 tuổi

Phương pháp

- Tuổi con = tuổi bố : 5

- Tuổi mẹ = tuổi bố - 5

Lời giải

Tuổi con là: $45 : 5 = 9$ (tuổi)

Tuổi mẹ là: $45 - 5 = 40$ (tuổi)

Chọn D

Câu 6. Mỗi gói kẹo cân nặng 150 g, mỗi gói bánh cân nặng 180 g. Hỏi 3 gói kẹo và 1 gói bánh cân nặng bao nhiêu gam?

A. 630 g

B. 600 g

C. 650 g

D. 750 g

Phương pháp

- Tìm cân nặng của 3 gói kẹo = Cân nặng của 1 gói kẹo x 3

- Tìm cân nặng của 3 gói kẹo và 1 gói bánh

Lời giải

Cân nặng của 3 gói kẹo là: $150 \times 3 = 450$ (g)

3 gói kẹo và 1 gói bánh cân nặng số gam là: $450 + 180 = 630$ (g)

Chọn A**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$213 \times 4$$

$$305 : 5$$

Phương pháp

- Đặt tính

- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái, chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 213 \\ \times 4 \\ \hline 852 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 305 \overline{) 5} \\ 05 \overline{) 61} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x biết:

a) $x : 8 = 48 : 4$

b) $234 - x = 422 : 2$

Phương pháp

- Tính giá trị vế phải
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Lời giải

a) $x : 8 = 48 : 4$

$x : 8 = 12$

$x = 12 \times 8$

$x = 96$

b) $234 - x = 422 : 2$

$234 - x = 211$

$x = 234 - 211$

$x = 23$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $42 \times (142 - 140)$

b) $(100 + 11) \times 8$

Phương pháp

Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện biểu thức ở trong ngoặc trước.

Lời giải

a) $42 \times (142 - 140) = 42 \times 2$
 $= 84$

b) $(100 + 11) \times 8 = 111 \times 8$
 $= 888$

Câu 4. Lớp 3A có 34 học sinh. Lớp 3B có ít hơn lớp 3A 10 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?**Phương pháp**

- Tìm số học sinh của lớp 3B
- Tìm số học sinh của 2 lớp

Lời giải

Lớp 3B có số học sinh là:

$34 - 10 = 24$ (học sinh)

Cả hai lớp có số học sinh là:

$34 + 24 = 58$ (học sinh)

Đáp số: 58 học sinh

Câu 5. Tìm số có hai chữ số có tích các chữ số là 18 và hiệu giữa chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 7.

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về số tự nhiên để trả lời câu hỏi

Lời giải

Ta có $18 = 2 \times 9 = 3 \times 6$

Vậy ta có các cặp số: 2; 9 và 3; 6

Vì hiệu giữa chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 7 nên số cần tìm là 92.